

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nhiều khi không hiểu, thông cảm cho nhau trong công việc cũng như cuộc sống hàng ngày. Anh T thường xuyên uống rượu và khi say rượu không làm chủ được bản thân, tính nóng nảy, gia trưởng, đã nhiều lần anh chửi bới, xúc phạm chị. Ngoài ra khi say rượu anh T còn gây mâu thuẫn cả với hàng xóm, anh còn coi thường, xúc phạm những người bên họ hàng nhà Chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải, bản thân Chị đã cho anh T nhiều cơ hội để hai vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con nhưng anh T không thay đổi, vẫn thường xuyên uống rượu và khi say thì lại có những lời nói, hành động coi thường, xúc phạm đến Chị. Đến khoảng tháng 4/2021 Chị đã bỏ nhà bỏ mẹ đẻ ở xã S, huyện V sinh sống. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ngày 30/7/2021 vì thương con và muốn cho anh T cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị đã về nhà ở 01 tuần nhưng anh T vẫn không thay đổi, vẫn uống rượu, nên chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, không thể cùng xây dựng hạnh phúc với anh T nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con: Chị và anh Phạm Văn T có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 12/7/2013 và cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 01/8/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh T, khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Quốc K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Khánh D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Chị Triệu Thị M, anh Phạm Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị Triệu Thị M trình bày là đúng, anh không có ý kiến gì khác. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng chăm lo gia đình và nuôi dạy con cái nhưng cũng có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày và trong cách nuôi dạy con cái như những gia đình khác chứ không có mâu thuẫn gì lớn. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn của vợ chồng cũng tự hòa giải và có sự góp ý của người thân trong gia đình nên cuộc sống vợ chồng lại trở lại bình thường. Nhưng không hiểu tại sao đến tháng 4/2021 chị M tự ý bỏ **nhà đi làm và đi ở nơi khác**, anh thấy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, anh muốn xin lỗi chị M về những hành động, lời nói chưa đúng của mình và mong chị M quay về để vợ chồng chung sống cùng nuôi dạy con cái. Nay anh xác định cần gia đình để có cả bố cả mẹ nuôi dạy các con nên anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con: Anh và chị Triệu Thị M có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 12/7/2013 và cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 01/8/2016. Nếu ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu K và D đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu chị M phải cấp dưỡng cùng anh nuôi cháu Phạm Khánh D mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi cháu K.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nếu ly hôn anh và chị Triệu Thị M tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa: - Nguyên đơn Triệu Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành việc có mặt tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 12/7/2013 cho chị Triệu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; Giao cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 01/8/2016 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị M và anh Phạm Văn T không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị M phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: - Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Triệu Thị M yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Xét thấy, bị đơn anh Phạm Văn T cư trú tại Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng có giấy xác nhận do các đương sự cung cấp, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Triệu Thị M và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh L như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị M và anh Phạm Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Chị M xác định sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2013, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nhiều khi không hiểu, thông cảm cho nhau trong công việc cũng như cuộc sống hàng ngày. Anh T thường xuyên uống rượu và khi say rượu không làm chủ được bản thân, nóng nảy, gia trưởng, đã nhiều lần anh chửi bới, xúc phạm chị. Ngoài ra khi say rượu anh T còn mâu thuẫn cả với hàng xóm, còn coi thường, xúc phạm họ hàng bên ngoại. Tháng 4/2021 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 30/7/2021 vì thương con và muốn cho anh T cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị đã về nhà ở 01 tuần nhưng anh T vẫn không thay đổi, nên chị lại về nhà bố mẹ đẻ sống cho đến nay. Anh T công nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc anh T không đồng ý ly hôn chỉ kéo dài sự ràng buộc không cần thiết.

Chứng cứ do chị Triệu Thị M cung cấp xác định: Thời gian vừa qua, anh Phạm Văn T hay say rượu, khi say rất nóng tính không kiểm soát được hành động, nói tục, đập phá đồ đạc, nhiều lần mắng chửi vợ con.

Chứng cứ do anh Phạm Văn T cung cấp xác định: Vợ chồng anh Phạm Văn T và chị Triệu Thị M chung sống hòa thuận, tình cảm với hàng xóm nhưng ngày 29/5/2021 do mâu thuẫn vợ chồng vì chút chuyện nhỏ đã xảy ra va chạm dẫn đến chị Triệu Thị M viết đơn ly hôn, nếu anh Phạm Văn T và chị Triệu Thị M ly hôn thì khổ con cái.

Như vậy mâu thuẫn vợ chồng chị M, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về việc ly hôn anh T là có căn cứ.

[3] Về nuôi con chung: Anh Phạm Văn T và chị Triệu Thị M có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 12/7/2013 và cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 01/8/2016. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung của chị Triệu Thị M và anh Phạm Văn T là chính đáng. Tuy nhiên khi giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét bản thân chị M hiện là giáo viên trường mầm non số 2 V, huyện V thu nhập ổn định từ lương là 6.408.000đ/tháng, có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phạm Quốc K, bản thân cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ. Anh T là lao động tự do tại địa phương có thu nhập từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ một tháng. Với công việc, điều kiện và thu nhập thực tế của chị M anh T nên giao cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 12/7/2013 cho chị Triệu Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; Giao cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 01/8/2016 cho anh Phạm Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị M và anh Phạm Văn T không bên nào phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Triệu Thị M.

- Về hôn nhân: Chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 12/7/2013 cho chị Triệu Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; Giao cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 01/8/2016 cho anh Phạm Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị M, anh Phạm Văn T không bên nào phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004147 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Triệu Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã V(01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái